

Sao kê chi tiết từ **28/01/2016** đến **28/01/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **29/01/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				4,604,269,420.00		
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HONG NHUNG-MA SV: 401156-NOP TIEN HOC PHI	390NT02160280001		4,500,000.00	4,608,769,420.00
28/01/2016	28/01/2016	400462-NGUYEN MANH CUONG NOP HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016	280NT02160280001		4,500,000.00	4,613,269,420.00
28/01/2016	28/01/2016	KIEU PHUONG LINH MSV 402405 NOP TIEN HOC PHI	121NT01160280001		4,860,000.00	4,618,129,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM HUY HIEU NOP TIEN HOC PHI CHO SV PHAM THI VIET HA MSSV 401822	320NT02160280001		5,040,000.00	4,623,169,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI NGOC MAI MSV 402568 NOP TIEN HOC PHI	121NT01160280003		4,860,000.00	4,628,029,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HUY KHANH NOP HOC PHI HOC KY II (2015-2016) MSV: 400568 LOP 4005 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160280002		5,040,000.00	4,633,069,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THE TIEM NOP TIEN HOC PHI KY II (2015-2016) MSV: 400573 LOP 4005 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160280003		4,500,000.00	4,637,569,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MSSV: 401319 HO TEN NGUYEN NGOC MAI NT~NC:LE DINH HIEP - Nguoi chuyen: LE DINH HIEP	001CTD1160280005		4,860,000.00	4,642,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MSSV 401334 HO TEN HOANG HAI LY NT~NC:HOANG HAI LY - Nguoi chuyen: HOANG HAI LY	001CTD1160280008		4,860,000.00	4,647,289,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MSSV 401316 HO TEN NGUYEN VIET ANH NT~NC:NGUYEN VIET ANH - Nguoi chuyen: NGUYEN VIET ANH	001CTD1160280009		4,860,000.00	4,652,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TC:VNCN92275.Nguyen Xuan Bach lop CLC 4029 MSSV: 402941 nop tien hoc phi Hoc ky II~NC:NGUYEN HOANG PHUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN HOANG PHUONG	001CTD1160280018		15,060,000.00	4,667,209,420.00

28/01/2016	28/01/2016	MSSV 401340 HO TEN LE DINH HIEP NT~NC:LE DINH HIEP - Nguoi chuyen: LE DINH HIEP	001CTD1160280019		4,860,000.00	4,672,069,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CT Nhan Tai Nh Buu dien Lien Viet CN dong do Ha Noi CT Cho Tran Thuy Trang Ma SV : 403620~NC:Tran Thi Kim Dung - Nguoi chuyen: Tran Thi Kim Dung	001CTD1160280031		4,680,000.00	4,676,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TC:VN CN91308.SV TRAN HOANG ANH MS , MA SV : 4017231 , NOP TIEN HOC .~NC:TRAN HOA - Nguoi chuyen: TRAN HOA	001CTD1160280035		4,500,000.00	4,681,249,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HOANG MINH THAO MSV 404046 SDT 01638691486 NT HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	310NT02160280002		5,220,000.00	4,686,469,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LU THI DIEU THUY MA SINH VIEN 402540 NOP TIEN HOC PHI KY 2~NC:LU THI DIEU THUY - Nguoi chuyen: LU THI DIEU THUY	001CTD1160280104		5,040,000.00	4,691,509,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI PHUONG THAO MA SINH VIEN 402005 NOP TIEN HOC PHI ~NC:01667055298 - Nguoi chuyen: 01667055298	001CTD1160280083		4,860,000.00	4,696,369,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN NHAT TAN MSSV 400815 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103CT01160280001		4,860,000.00	4,701,229,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI QUYNH MSSV 400819 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160280004		4,860,000.00	4,706,089,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN DUC HANH MSSV 401621 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280005		4,500,000.00	4,710,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DO THI HOA MSSV 402662 LOP 4026 NOP HOC PHI KY II	113NT01160280005		4,860,000.00	4,715,449,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THI LUC MSSV 402055 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280006		4,860,000.00	4,720,309,420.00
28/01/2016	28/01/2016	Nop hoc phi Ki 2 K40 - San Thanh Nam - Ma SV 403827~NC:BUI THI LAN ANH - Nguoi chuyen: BUI THI LAN ANH	001CTD1160280111		5,220,000.00	4,725,529,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TC:8R0900005.TRAN THI THUY NOP TIEN HOC PHI CHO PHAM TIEN DAT MA SV 400306~NC:TRAN THI THUY - Nguoi chuyen: TRAN THI THUY	001CTD1160280120		4,860,000.00	4,730,389,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NOP TIEN HOC PHI KY 2 CHO TRAN THI NGOC LY MA SV 403201~NC:BUI THI NGOC DUNG - Nguoi chuyen: BUI THI NGOC DUNG	001CTD1160280141		4,680,000.00	4,735,069,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THU HUE MSSV 403433 NT HOC PHI	120NT01160280004		4,680,000.00	4,739,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CA THI QUYEN MSSV 402748 NT HOC PHI	120NT01160280005		4,860,000.00	4,744,609,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU HA QUYNH MSSV 401027 NT HOC PHI	120NT01160280006		4,500,000.00	4,749,109,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DO THI THOM MSSV: 400813 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280007		4,860,000.00	4,753,969,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE DUY KHANH-MSSV: 403903 NT HOC PHI	340NT02160280001		5,220,000.00	4,759,189,420.00

28/01/2016	28/01/2016	MANG THI NHON MSSV: 402763 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280008		4,860,000.00	4,764,049,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGO THI HUONG MSSV: 403412 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280009		4,680,000.00	4,768,729,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI VAN HAO MSSV:402766 NOP HOC PHI	120NT01160280010		4,500,000.00	4,773,229,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN LY LY MSV 401014 NOP HOC PHI HOC KY 2 2016	114NT01160280006		4,500,000.00	4,777,729,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI NGOC DUNG MSV 401251 NT HOC PHI KY II NAM 2016	200NT02160280001		4,860,000.00	4,782,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THAI SON MSSV:400925 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280011		4,860,000.00	4,787,449,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CA VAN CHUNG MSSV:402253 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280012		4,860,000.00	4,792,309,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHU THI BICH MSSV:400337 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280013		4,860,000.00	4,797,169,420.00
28/01/2016	28/01/2016	KH NHAN TAI NH BUU DIEN LIEN VIET DONG DO - HA NOI- NOP TIEN HOC PHI KY 2/2015 CHO SINH VIEN BUI THANH TUNG 401146~NC:NGUYEN THI THANH HUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THANH HUONG	001CTD1160280163		4,860,000.00	4,802,029,420.00
28/01/2016	28/01/2016	Nop hoc phi SV: Nguyen Thanh Long. Mssv:402137~NC:NGUYEN NGOC KIEN - Nguoi chuyen: NGUYEN NGOC KIEN	001CTD1160280169		4,860,000.00	4,806,889,420.00
28/01/2016	28/01/2016	dinh Thi Ban ma sinh vien 403610 nop tien hoc phi~NC:dinh Cong Hoan - Nguoi chuyen: dinh Cong Hoan	001CTD1160280186		4,680,000.00	4,811,569,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN VAN LUC MSSV 401671 NOP HOC PHI KY II/2016~NC:NGUYEN VAN LAP - Nguoi chuyen: NGUYEN VAN LAP	001CTD1160280190		11,610,000.00	4,823,179,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHUYEN TIEN SINH VIEN NGUYEN NGOC TU MS 401706~NC:NGUYEN NGOC TU - Nguoi chuyen: NGUYEN NGOC TU	001CTD1160280193		4,500,000.00	4,827,679,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NOP TIEN HOC PHI SV DAO THI HUONGMA SV 400623~NC:DAO THI DET - Nguoi chuyen: DAO THI DET	001CTD1160280216		5,040,000.00	4,832,719,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN HUE TRINH- MSV:401521 NT HOC PHI KY II/2015 VAO TK TRUONG DHL HN	100NT01160280006		4,860,000.00	4,837,579,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRIEU THI THANH VIEN MSV 402764 NTHP	120NT01160280014		4,860,000.00	4,842,439,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAM VIET LAM MSV 401164 NTHP	120NT01160280015		4,500,000.00	4,846,939,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI XUAN MSV 402771 NTHP	120NT01160280016		4,860,000.00	4,851,799,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI BICH CHAM MSV 400963 NTHP	120NT01160280017		4,860,000.00	4,856,659,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VANG THI ANH MSV 400856 NTHP	120NT01160280018		4,860,000.00	4,861,519,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM BINH TRONG MSV 401829 NTHP	120NT01160280019		4,500,000.00	4,866,019,420.00

28/01/2016	28/01/2016	PHAM THU HUONG MSSV 402933 NOP TIEN HOC PHI LOP CHAT LUONG CAO	121NT01160280006		15,060,000.00	4,881,079,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MSSV 401163 TRAN NGOC MAI DONG TIENHOC PHI ~NC:TRAN NGOC MAI - Nguoi chuyen: TRAN NGOC MAI	001CTD1160280218		4,860,000.00	4,885,939,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN VAN MANH MSSV 402012 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280007		4,500,000.00	4,890,439,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DUONG ANH TUAN MSSV 400803 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280008		4,500,000.00	4,894,939,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRINH MINH HANG MSSV 403215 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280009		4,680,000.00	4,899,619,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI MAI ANH MSSV 400816 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280010		4,860,000.00	4,904,479,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN ANH THU,MSSV:403950 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 VAO TK TRUONG DHL HN	100NT01160280010		5,220,000.00	4,909,699,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI HA NT HOC PHI CHO TRAN HUNG PHUC - MSV: 403060 - LOP 4030 - KHOA LUAT	431NT02160280002		15,060,000.00	4,924,759,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN CAM NHUNG MA SV 402109 NOP TIEN HOC PHI KY 2 CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	100NT01160280011		4,500,000.00	4,929,259,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NHU THI THU HUONG 403902	114NT01160280017		5,220,000.00	4,934,479,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THUY TIEN.MSSV: 403459.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280021		4,680,000.00	4,939,159,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI MAI LINH MSV 401011 NTHP	120NT01160280022		4,860,000.00	4,944,019,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM NHAT LE MSSV: 402004 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280023		4,500,000.00	4,948,519,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI THU HUONG MSV 404008 NTHP	120NT01160280024		5,220,000.00	4,953,739,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HA THI NGOC MAI MSSV: 403047 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280025		15,060,000.00	4,968,799,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HAI YEN MSV 400356 NTHP	120NT01160280026		4,860,000.00	4,973,659,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHU THI QUYNH.MSSV: 401933. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280027		4,860,000.00	4,978,519,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THU GIANG MSV 400607 NTHP	120NT01160280028		4,500,000.00	4,983,019,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN DUC MANH.MSSV:400217.NOP TIEN HOC PHI KY II	120NT01160280029		5,040,000.00	4,988,059,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI HUE MINH MSV 403624 NTHP	120NT01160280030		4,860,000.00	4,992,919,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI NGOC ANH MSV 400833 NTHP	120NT01160280031		180,000.00	4,993,099,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LUONG THI HONG NHUNG MSV 400953 NTHP	120NT01160280032		4,860,000.00	4,997,959,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI QUYNH HOA MA SV 403705 NOP TIEN HOC PHI KY 2	420NT02160280001		5,220,000.00	5,003,179,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI MY LINH MSSV 400643 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280011		3,420,000.00	5,006,599,420.00

28/01/2016	28/01/2016	DONG THI NGOC THO MSSV 402761 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280013		4,860,000.00	5,011,459,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN NHAT DUC MSSV 402028 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280014		4,860,000.00	5,016,319,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHU THI THAO MSV 400654 NTHP	120NT01160280033		4,860,000.00	5,021,179,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THIEN QUANG MSSV 402513 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280015		4,860,000.00	5,026,039,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGHIEM THI TAM MSV 400973 NTHP	120NT01160280034		4,860,000.00	5,030,899,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THI QUYNH TRANG MSV 400505 NTHP	120NT01160280035		5,040,000.00	5,035,939,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THUY DUONG MSSV 403168 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280016		5,220,000.00	5,041,159,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI THUY MSV 400361 NTHP	120NT01160280036		4,860,000.00	5,046,019,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN LUONG THUC LINH MSSV 403002 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280017		15,060,000.00	5,061,079,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN DINH BINH BAC MSSV 402626 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280019		4,860,000.00	5,065,939,420.00
28/01/2016	28/01/2016	401530-LANG THI HOA NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016	280NT02160280003		4,860,000.00	5,070,799,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN DUC TINH.MSSV: 403324 NOP TIEN HOC PHI KI II	120NT01160280037		4,680,000.00	5,075,479,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGO THANH HUYEN MSSV: 402370 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280038		4,860,000.00	5,080,339,420.00
28/01/2016	28/01/2016	QUAN VI XUAN SANG MSSV: 401506 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280039		4,500,000.00	5,084,839,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI HUYEN TRAM.MSSV: 401234.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280040		4,860,000.00	5,089,699,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HUYEN MY MSSV:402318 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280041		4,860,000.00	5,094,559,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI QUYNH HOA.MSSV:401208 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280042		5,040,000.00	5,099,599,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI HUYEN TRANG MSSV:400710 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280043		4,860,000.00	5,104,459,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI TRANG.MSSV: 401016.NOP TIEN HOC PHI KI II	120NT01160280044		4,500,000.00	5,108,959,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN VAN TAN MSSV:402754 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280045		5,040,000.00	5,113,999,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI MY LINH.MSSV:401205.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280046		5,040,000.00	5,119,039,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG KHANH VY MSSV: 400123 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280047		4,860,000.00	5,123,899,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI KIM CUC.MSSV: 401431.NOP TIEN HOC PHI KY II	120NT01160280048		4,860,000.00	5,128,759,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HA THI KIM LIEN MSSV: 401362 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280049		4,860,000.00	5,133,619,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE MINH HUNG MSSV:400707 NOP TIEN HOC PHI KY2	120NT01160280050		4,860,000.00	5,138,479,420.00

28/01/2016	28/01/2016	LE THU HA.MSSV: 404006 NOP TIEN HOC PHI KY II	120NT01160280051		5,220,000.00	5,143,699,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN PHUONG ANH MSSV:402745 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280052		4,860,000.00	5,148,559,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN MINH CHIEN. MSSV 400908 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280053		4,860,000.00	5,153,419,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN ANH DUC.MSSV: 401311. NOP TIEN HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160280054		4,860,000.00	5,158,279,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI PHUONG ANH.MSSV: 401023.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280055		4,500,000.00	5,162,779,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MA THI SAO MSSV:403370 NOP HOC PHI KY 2	120NT01160280057		4,680,000.00	5,167,459,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HONG NHUNG MSSV:401857 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160280058		4,860,000.00	5,172,319,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THE HUY NOP HOC PHI KY II MSV: 403037 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160280005		15,060,000.00	5,187,379,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HO TEN SV: NGUYEN BAO THOA; LOP: 4004 MA SV: 400440; SO CMT: 017229350 NOP TIEN HOC KY II NAM HOC 2015-2016	105NT01160280014		4,860,000.00	5,192,239,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI LANH MSSV 402654 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280020		4,500,000.00	5,196,739,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THU HA MSSV 403822 NOP HOC PHI KI II	103NT01160280021		5,220,000.00	5,201,959,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI QUANG HOANG MSSV 403869 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280022		5,220,000.00	5,207,179,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HO VA TEN TRAN THI QUYNH LAN NOP HOC PHI KI II MSV 403814	103NT01160280023		5,220,000.00	5,212,399,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HO VA TEN TRAN VU THUY TRANG MSV 403813 NOP PHI KI II	103NT01160280024		360,000.00	5,212,759,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGO KHANH LINH MSV 400245 LOP 4002K40 NOP TIEN HOC PHI	121NT01160280009		4,500,000.00	5,217,259,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LO THI HUONG MSSV 402401 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280025		4,500,000.00	5,221,759,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HONG DUYEN NOP TIEN HOC KY II NAM HOC 2015-2016 MSSV: 401107 LOP 11 CHO TRUONG DHL HA NOI	101NT01160280007		4,860,000.00	5,226,619,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NONG THI SON MSSV 401550 NT HOC PHI	120NT01160280059		4,860,000.00	5,231,479,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THUY LINH MSSV 400156 NT HOC PHI	120NT01160280060		5,040,000.00	5,236,519,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG TRUONG TRINH MSV 403201 NOP TIEN HOC PHI-NHAN TAI CN DONG DO~NC:PHUNG THI NGA - Nguoi chuyen: PHUNG THI NGA	001CTD1160280248		4,680,000.00	5,241,199,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NOP HOC PHI KY 2 NGUYEN THI THUY HANG MSSV 402862~NC:DANG THI LUAN - Nguoi chuyen: DANG THI LUAN	001CTD1160280263		5,040,000.00	5,246,239,420.00

28/01/2016	28/01/2016	HA THI HANG MSSV 401050 LOP 4010 TAI NH BUU DIEN LIEN VIET-CN DONG DO~NC:HA THI HANG - Nguoi chuyen: HA THI HANG	001CTD1160280269		4,860,000.00	5,251,099,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TC:K84100019.NGUYEN AN GIANG MSSV:402940 NT HOC PHI KI II NAM 2015-2016 LOP CHAT LUONG CAO K40~NC:NGUYEN AN GIANG - Nguoi chuyen: NGUYEN AN GIANG	001CTD1160280274		15,060,000.00	5,266,159,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LO THI TO UYEN -401054 LOP 4010 NT TAI NH BUU DIEN LIEN VIET -CN DONG DO~NC:LO THI TO UYEN - Nguoi chuyen: LO THI TO UYEN	001CTD1160280276		4,860,000.00	5,271,019,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHUNG THI KIEU OANH -402214 TAI NH BUU DIEN LIEN VIET -CN DONG DO~NC:PHUNG THI KIEU OANH - Nguoi chuyen: PHUNG THI KIEU OANH	001CTD1160280280		4,500,000.00	5,275,519,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HA TRANG -401272 TAI NH BUU DIEN LIEN VIET -CN DONG DO~NC:NGUYEN THI HA TRANG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HA TRANG	001CTD1160280281		5,040,000.00	5,280,559,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN TIEN DAT MA MA SV 403009 NGAY SINH 03 10 1997 CMTND 0134 165 20~NC:BUI MINH NGUYET - Nguoi chuyen: BUI MINH NGUYET	001CTD1160280301		15,060,000.00	5,295,619,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI THANH HUYEN MSV 400125 NT HOC PHI	120NT01160280061		4,860,000.00	5,300,479,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DANG THU UYEN MA SV 403905 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2	111NT01160280005		5,220,000.00	5,305,699,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAN THUY DUNG MSSV 400432 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280026		4,860,000.00	5,310,559,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI KIM HIEN MSV 402531 LOP 4025 KHOA 40 NOP TIEN HOC PHI	124NT01160280030		4,860,000.00	5,315,419,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI PHUONG ANH MSV 402755 NOPTIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015.2016 ~NC:01674698269 - Nguoi chuyen: 01674698269	001CTD1160280320		4,860,000.00	5,320,279,420.00
28/01/2016	28/01/2016	Nong Ngoc Mai -Ma SV 403325 (Truong dH Luat HN) nop tien hoc phi ky II (nhan tai NHTMCP Buu dien Lien Viet CN dong do)~NC:Nong Ngoc Mai - Nguoi chuyen: Nong Ngoc Mai	001CTD1160280343		4,680,000.00	5,324,959,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DO THI HOAI NOP TIEN HOC PHI KY II NAM 2016, MSSV 403644~NC:DO THI HOAI - Nguoi chuyen: DO THI HOAI	001CTD1160280346		5,220,000.00	5,330,179,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DUONG THI THU MA SINH VIEN 401416~NC:DUONG THI THU HA NOI - Nguoi chuyen: DUONG THI THU HA NOI	001CTD1160280370		4,860,000.00	5,335,039,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI MAI THUONG NT HOC PHI , MSSV:403535, TOI NH BUU DIEN LIENVIET CN DONG DO~NC:NGUYEN THI MAI THUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI MAI THUONG	001CTD1160280374		4,680,000.00	5,339,719,420.00

28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THU THAO LOP 4030B2 MSSV 403063 NOP HOC PHI~NC:NGUYEN THU THAO - Nguoi chuyen: NGUYEN THU THAO	001CTD1160280379		15,060,000.00	5,354,779,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI NGOC ANH MSSV 400714 NT HOC PHI	120NT01160280062		4,860,000.00	5,359,639,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI TRANG THU MSSV 400134 NT HOC PHI KY II	120NT01160280063		4,860,000.00	5,364,499,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI LE QUYEN MSSV 400727 NT HOC PHI KI II	120NT01160280064		4,860,000.00	5,369,359,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI NGOC ANH MSSV 400719 NOP HOC PHI KY II	120NT01160280065		4,860,000.00	5,374,219,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI NHUNG MSSV 400716 NT HOC PHI	120NT01160280066		4,860,000.00	5,379,079,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN MINH CHIEN MSSV 400112 NT HOC PHI KY II	120NT01160280067		5,040,000.00	5,384,119,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THU TRANG MSSV 400132 NT HOC PHI KY II	120NT01160280068		5,040,000.00	5,389,159,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGO THI TUYET MSV 400144 LOP 4001 KHOA 40 NOP HOC PHI KI II	120NT01160280069		4,500,000.00	5,393,659,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LAU A THENH MSSV 401405 NT HOC PHI	120NT01160280070		4,860,000.00	5,398,519,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CT HOC PHI~NC:TRINH THI DIEU LINH 0949914797 - Nguoi chuyen: TRINH THI DIEU LINH 0949914797	001CTD1160280397		5,220,000.00	5,403,739,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI BICH HIEN LOP 30B2 MSSV 403062 NT HOC PHI~NC:NGUYEN THU THAO - Nguoi chuyen: NGUYEN THU THAO	001CTD1160280401		15,060,000.00	5,418,799,420.00
28/01/2016	28/01/2016	KH NHAN TAI NH BUU DIEN LIEN VIET CN DONG DO- HA NOI - NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 MA SO SV 401750~NC:BUI THI LAN ANH - Nguoi chuyen: BUI THI LAN ANH	001CTD1160280418		4,500,000.00	5,423,299,420.00
28/01/2016	28/01/2016	Ho va ten sinh vien : Nguyen Van Huy, ma sinh vien 401504 nop tien hoc phi.; DV tra tien: Nguyen Thi Ly; D/C: Phi Xa - Cam Hoang; TK/CMT: /~NC:QTDND Cam Hoang - Huyen Cam Giang - Hai Duong - Nguoi chuyen: QTDND Cam Hoang - Huyen Cam Giang - Hai Duong	001CTD1160280425		4,860,000.00	5,428,159,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN DUC THANH MSSV 401955 LOP 4019 K 40 NOP HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	120NT01160280071		4,860,000.00	5,433,019,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HA LY MSSV 401135 NT HOC PHI	120NT01160280072		4,860,000.00	5,437,879,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAO THI YEN MSV 402162 NT HOC PHI	120NT01160280073		4,860,000.00	5,442,739,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN HAI ANH LINH MSSV:402705 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280074		4,860,000.00	5,447,599,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HA HONG HIEP MSSV:402172 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280075		4,860,000.00	5,452,459,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI DUYEN MSSV:401806 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280076		4,860,000.00	5,457,319,420.00

28/01/2016	28/01/2016	LE THI HONG NGAT MSSV:402066 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160280077		4,500,000.00	5,461,819,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THU HUYEN MSSV:403646 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160280078		4,680,000.00	5,466,499,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAO LE MINH TRANG MSSV:401707 NOP HOC PHI KY 2	120CT01160280002		4,860,000.00	5,471,359,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THUY MSSV:403648 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280079		5,220,000.00	5,476,579,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN DUY HAO MSSV:402544 NOP TIEN HOC PHI HOC KI 2	120NT01160280080		5,040,000.00	5,481,619,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DANG THI THUY DUONG MSV 400505 NTHP	120NT01160280082		5,040,000.00	5,486,659,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE HA KHANH 401868 NOP TIEN HOC KY 2 NAM 2016	114NT01160280026		4,500,000.00	5,491,159,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM NGUYEN QUANG MINH MSV 401939 NT HOC PHI	002NT01160280008		4,500,000.00	5,495,659,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI HOAI MY MSV 401359 NTHP	120NT01160280083		5,040,000.00	5,500,699,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI NGOC ANH MSV 402361 NTHP	120NT01160280084		5,040,000.00	5,505,739,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DUONG THI THUY NGAN MSV 401651 NTHP	120NT01160280085		4,860,000.00	5,510,599,420.00
28/01/2016	28/01/2016	GIANG A LAO MSV 402750 NTHP	120NT01160280086		4,860,000.00	5,515,459,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI BINH TIEN MSV 402746 NTHP	120NT01160280087		4,860,000.00	5,520,319,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THANH TAM LOP 4038 MSV403861 NOP TIEN HOC PHI	130NT02160280002		5,220,000.00	5,525,539,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THUY GIANG MSV 402740 NTHP	120NT01160280088		4,860,000.00	5,530,399,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LO THI NHAU MSSV: 401051 NOP TIEN HOC PHI CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160280011		4,500,000.00	5,534,899,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THANH TRUNG MSV 402757 NTHP	120NT01160280089		4,860,000.00	5,539,759,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HA THI PHUONG NOP HOC PHI LOP 22 MSV: 402250 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160280012		4,500,000.00	5,544,259,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HA THI BINH LOP 4017 MSV:401762 NOP HOC PHI CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160280013		4,500,000.00	5,548,759,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HUE MSV 401541 NTHP	120NT01160280090		4,860,000.00	5,553,619,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MA HOAI THUONG MSSV 400466 NT HOC PHI	120NT01160280091		4,500,000.00	5,558,119,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI PHUONG MSV 402344 NTHP	120NT01160280092		4,860,000.00	5,562,979,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN BA TUAN MSV 400712 NTHP	120NT01160280093		4,860,000.00	5,567,839,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THANH XUAN MSV 400113 NTHP	120NT01160280094		4,860,000.00	5,572,699,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VA A TUA MSV 400149 NTHP	120NT01160280095		4,500,000.00	5,577,199,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI KIEU DIEM LOP 4035, MS SV 403550~NC:VU THI KIEU DIEM - Nguoi chuyen: VU THI KIEU DIEM	001CTD1160280476		4,680,000.00	5,581,879,420.00

28/01/2016	28/01/2016	GIANG A NU MSV 400150 NTHP	120NT01160280096		4,860,000.00	5,586,739,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHU THI DUYEN MSV 401557 NTHP	120NT01160280097		5,040,000.00	5,591,779,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HUONG GIANG MSV 403146 NTHP	120NT01160280098		5,220,000.00	5,596,999,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MA DOAN THE MSV 400814 NTHP	120NT01160280099		4,860,000.00	5,601,859,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LAM DUC MANH MSV 401511 NTHP	120NT01160280100		4,500,000.00	5,606,359,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRINH TO QUYEN MSV 400430 NTHP	120NT01160280101		4,860,000.00	5,611,219,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGO THI THUY MSV 400431 NTHP	120NT01160280102		4,860,000.00	5,616,079,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRUONG THI HAI ANH MSSV 401844 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280029		5,040,000.00	5,621,119,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG PHUONG LAN MSV 400471 NTHP	120NT01160280103		4,500,000.00	5,625,619,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAO TUONG CHI MSV 404002 NTHP	120NT01160280104		5,320,000.00	5,630,939,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU HOANG HA MSV 400406 NTHP	120NT01160280105		4,860,000.00	5,635,799,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DINH THI MINH NGUYET NOP HOC PHI HK II MA SO SV 401341	240NT02160280009		4,860,000.00	5,640,659,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU MINH ANH MSSV 403719 NT HOC PHI	105NT01160280021		5,220,000.00	5,645,879,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI THANH TAM MSV 400715 -NC:01696254099 - Nguoi chuyen: 01696254099	001CTD1160280517		4,500,000.00	5,650,379,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THI HONG MSSV:402459 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280106		4,860,000.00	5,655,239,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRIEU THI THUY MA SV:400559 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160280107		4,500,000.00	5,659,739,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THUY DUONG MSSV:401529 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160280108		4,860,000.00	5,664,599,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LUONG THI LE THU MSSV:400560 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160280109		4,500,000.00	5,669,099,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI HUE MSSV 403131 NT HOC PHI	120NT01160280110		4,320,000.00	5,673,419,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CAO THI HUONG MSSV:401067 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280111		4,500,000.00	5,677,919,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN PHUONG THANH MSSV 402636 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280031		5,040,000.00	5,682,959,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI THU HUONG MSV 404065 NT	120NT01160280112		4,860,000.00	5,687,819,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI NGOC ANH MSSV 402627 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280032		4,860,000.00	5,692,679,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN DANH MSV 400629 NT	120NT01160280113		5,040,000.00	5,697,719,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN MANH HAI ANH MSSV: 404026	110NT01160280008		5,220,000.00	5,702,939,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DO PHUONG ANH MSSV:400465 NOP TIEN HOC PHI KY 2	230NT02160280002		4,860,000.00	5,707,799,420.00

28/01/2016	28/01/2016	QUACH MAI PHUONG,MA SV: 403917 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 VAO TK TRUONG DHL HN	100NT01160280014		5,220,000.00	5,713,019,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LAI THE LAN,MA SV: 403922 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 VAO TK TRUONG DHL HN	100NT01160280015		5,220,000.00	5,718,239,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THU THAO,MSSV:403821 NT HOC KY II KHOA 40 NAM 2016 VAO TK TRUONG DH LUAT HA NOI	100NT01160280016		5,220,000.00	5,723,459,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN PHUC NAM MSV: 402453 NT HOC PHI HOC KY II /2015-2016	123NT01160280008		4,500,000.00	5,727,959,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN MINH ANH MA SV 403915 NT HOC PHI KY2 CHO TRUONG DH LUAT HN	100NT01160280017		5,220,000.00	5,733,179,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NT HOC PHI HK 2 TRAN DUC LONG MSV: 403960	102NT01160280011		5,220,000.00	5,738,399,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI MINH HIEU MSV 403919 NOP TIEN HOC PHI KY 2 CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	100NT01160280018		5,220,000.00	5,743,619,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NT HOC PHI HK 2 NAM HOC 2015-2016 MSSV 403906 NGUYEN MINH KHANH	102NT01160280012		5,220,000.00	5,748,839,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HONG VAN MSV 401818 NOP TIEN HOC PHI	121NT01160280013		4,860,000.00	5,753,699,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU HUYEN MINH MSSV 400133 NT HOC PHI	120NT01160280116		4,860,000.00	5,758,559,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VANG THI CUC MSSV 401560 NT HOC PHI	120NT01160280117		4,500,000.00	5,763,059,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI KIEU MY MSSV 403868 NT HOC PHI	120NT01160280118		5,220,000.00	5,768,279,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAN THI LY NA MA SV 400127 NOP HOC PHI KY 2 VAO TK TRUONG DAI HOC LUAT HN	100NT01160280019		4,860,000.00	5,773,139,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VI THI THU MSV 401470 NT	120NT01160280119		4,500,000.00	5,777,639,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU DIEU LINH MSV 403659 NT HOC PHI KY 2 CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	330NT02160280003		5,220,000.00	5,782,859,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI KHANH LINH MSV 402765 NT	120NT01160280120		4,860,000.00	5,787,719,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THI THU THAO MSV 403450 NT	120NT01160280121		4,680,000.00	5,792,399,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAM THI MY LINH MSV 401464 NT	120NT01160280122		4,860,000.00	5,797,259,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LAM QUANG AN. MSSV:400906.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280123		4,860,000.00	5,802,119,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU HAI HA .MSSV:400312. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280124		4,860,000.00	5,806,979,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HOANG NHAT MINH MSV 402927 NOP TIEN HOC PHI	121NT01160280015		15,060,000.00	5,822,039,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN DUC THUAN.MSSV:400114. NOP TIEN HOC PHI KY II	120NT01160280125		4,860,000.00	5,826,899,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI NHUNG MSSV:403353 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280126		4,860,000.00	5,831,759,420.00

28/01/2016	28/01/2016	DO THI THANH HANG.MSSV: 402326.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280127		4,860,000.00	5,836,619,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI MAI UYEN MSSV:400744 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280128		4,860,000.00	5,841,479,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HOANG HIEU MSSV:404018 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280129		5,220,000.00	5,846,699,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DO THI HANG.MSSV: 400135.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280130		4,860,000.00	5,851,559,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THU THAO MSSV:401537 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280131		4,860,000.00	5,856,419,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG PHUONG LINH MSSV:400708 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280132		4,860,000.00	5,861,279,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHUNG THI QUYEN.MSSV:400165.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280133		4,500,000.00	5,865,779,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI HONG NOP TIEN HOC PHI CHO SV TRAN HUU DUNG MSV 400139	250NT02160280002		4,860,000.00	5,870,639,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAO THANH VAN-400316 NOP HOC PHI KY 2 NAM NHAT	122NT01160280010		4,860,000.00	5,875,499,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NOP HOC PHI HOC KY 2 NAM 2015 2016 CHO PHAM VAN HUNG MA SV 402343~NC:PHAM THI HUONG - Nguoi chuyen: PHAM THI HUONG	001CTD1160280614		4,860,000.00	5,880,359,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG KHAC MANH,MSSV:400238 NOP HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016 VAO TK TRUONG DH LUAT HA NOI	100NT01160280021		4,860,000.00	5,885,219,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VY MY LINH LOP 4004 - MSV: 400417 NT HP KY II	123NT01160280011		4,860,000.00	5,890,079,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM TUNG SON MA SV 402313 NT VAO TK TRUONG DAI HOC LUAT HN	100NT01160280022		3,060,000.00	5,893,139,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HUU BACH MSSV: 403630 LOP: 4036 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2016	124NT01160280035		4,680,000.00	5,897,819,420.00
28/01/2016	28/01/2016	dinh Anh Thien; 402368 nop tien hoc phi (CN DONG DO)~NC:dinh The Cong - Nguoi chuyen: dinh The Cong	001CTD1160280677		11,610,000.00	5,909,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DUONG MINH TRANG MSV 401534 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	320NT02160280004		4,860,000.00	5,914,289,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI SANG MSV 402648 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM 2015_2016	124NT01160280037		4,860,000.00	5,919,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO MSV 401102 NOP TIEN HOC PHI KY 2	121NT01160280016		4,860,000.00	5,924,009,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MUU BICH THOA NOP TIEN HOC KY II CHO SV PHAM THI NAM PHUONG - LOP 40-14.MA SV 401417	360NT02160280006		4,860,000.00	5,928,869,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THANH HUONG MSSV 402421 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280033		4,860,000.00	5,933,729,420.00

28/01/2016	28/01/2016	TRAN LAN HUONG MSSV 401555 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280035		4,860,000.00	5,938,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN KHANH DUY MSSV 400964 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280036		4,500,000.00	5,943,089,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LOC THI SAO NOP TIEN HOC PHI MSSV: 402561 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160280015		4,860,000.00	5,947,949,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI HONG VAN MSSV 402562 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280037		4,860,000.00	5,952,809,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DO THI THAO MSSV 404064 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280038		5,220,000.00	5,958,029,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN LAN HUONG MSSV 403230 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160280039		5,220,000.00	5,963,249,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HONG MSSV 403234 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280040		5,220,000.00	5,968,469,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRUONG THI VAN ANH MSSV 402439 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280041		4,500,000.00	5,972,969,420.00
28/01/2016	28/01/2016	Pham Thi Hang ma so sinh vien 401357 nop hoc phi hoc ky 2 nam hoc 2015-2016, ngay sinh 17/12/1997 (Tk mo tai CN dong do)~NC:PHAM VAN TIEN - Nguoi chuyen: PHAM VAN TIEN	001CTD1160280698		4,500,000.00	5,977,469,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NOP TIEN HOC PHI CHO EM NGUYEN THU HUYEN MA SINH VIEN 403020~NC:Nguyen Thi Hien - Nguoi chuyen: Nguyen Thi Hien	001CTD1160280709		15,060,000.00	5,992,529,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NT HOC KI II MSSV 403842 LOP 4038~NC:TRUONG THI YEN - Nguoi chuyen: TRUONG THI YEN	001CTD1160280712		5,220,000.00	5,997,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NT HOC KI II MA SV 403848 LOP 4038~NC:NGO THI MY LE - Nguoi chuyen: NGO THI MY LE	001CTD1160280713		5,220,000.00	6,002,969,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI PHUONG THAO NOP TIEN KHOA K40 LOP 4033 MSV 403335~NC:VU THI PHUONG THAO - Nguoi chuyen: VU THI PHUONG THAO	001CTD1160280720		4,680,000.00	6,007,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU DAI TRANG MSSV 401917 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160280042		4,860,000.00	6,012,509,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI KHANH LINH MSSSV 400539 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280043		4,860,000.00	6,017,369,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MA DUC LUONG MSSV 401968 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280046		4,860,000.00	6,022,229,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HUONG TRA MSSV 403227 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280047		5,220,000.00	6,027,449,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI HUYEN.MSSV: 403110 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280134		5,220,000.00	6,032,669,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VY MINH HIEN.MSSV:400972.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280135		4,500,000.00	6,037,169,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MA THANH LAM MSSV 403233 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280048		5,220,000.00	6,042,389,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HAI.MSSV: 400514.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280136		4,500,000.00	6,046,889,420.00

28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI THAO NGOC MSSV 401941 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280049		4,860,000.00	6,051,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI QUYNH ANH MSSV 403224 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280050		4,680,000.00	6,056,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NONG THI NGUYET MSSV 402463 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280051		4,500,000.00	6,060,929,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI HONG XOAN MSSV 401740 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280052		4,500,000.00	6,065,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHUYEN KHOAN TAI MAY ATM	120ZATM16028001C		5,040,000.00	6,070,469,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THUY DUNG MSSV: 402422 NT HOC PHI	100NT01160280023		4,860,000.00	6,075,329,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHUYEN KHOAN TAI MAY ATM	120ZATM16028001D		5,040,000.00	6,080,369,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI PHUONG.MSSV: 403530.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280137		4,680,000.00	6,085,049,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG ANH VAN MSV 402807 ~NC:01699316599 - Nguoi chuyen: 01699316599	001CTD1160280721		4,860,000.00	6,089,909,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHU HOANG KHANH LINH MSSV 401265 CHUYEN TIEN DONG HOC PHI ~NC:HA NOI0988121478 - Nguoi chuyen: HA NOI0988121478	001CTD1160280725		5,040,000.00	6,094,949,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THI LAN ANH MSV 400858 NOP HOC PHI	130NT02160280004		4,500,000.00	6,099,449,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MA LUU LAI MSV 401271 NT	120NT01160280138		4,860,000.00	6,104,309,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI HA TRANG MSV 401439 NT	120NT01160280139		4,500,000.00	6,108,809,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI BICH HUONG MSV 404010 NT	120NT01160280140		5,220,000.00	6,114,029,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI MINH MSV 402438 NT	120NT01160280141		4,860,000.00	6,118,889,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI HONG ANH MS:401518 NT HOC PHI	340NT02160280002		180,000.00	6,119,069,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THUC TRINH MSV 401070 NT	120NT01160280142		4,860,000.00	6,123,929,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI THUY DUNG MSV 400722 NT	120NT01160280143		4,860,000.00	6,128,789,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HAI YEN MSV 400442 NT	120NT01160280144		4,500,000.00	6,133,289,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DINH THI HOAI LINH MSV 401269 NT	120NT01160280145		4,860,000.00	6,138,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DUONG THI THACH THAO MSV 401007 NT	120NT01160280146		4,860,000.00	6,143,009,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HAI HA MSV 400743 NT	120CT01160280004		4,860,000.00	6,147,869,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI MY NHAN NOP TIEN HOC CHO NGUYEN THI ANH THU MA SINH VIEN 401846	360NT02160280007		4,860,000.00	6,152,729,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NOP HOC PHI KY 2 NAM 2016 HOANG MINH THUY MSSV 402416 LOP 24	123NT01160280012		4,860,000.00	6,157,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	SINH VIEN DINH MINH CHAU - 404028 DONG HOC PHI	114NT01160280042		5,220,000.00	6,162,809,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LUONG HOAI VY MA SV 402629:NT HOC PHI HOC KY I NAM HOC 2015-2016	115NT01160280017		4,860,000.00	6,167,669,420.00

28/01/2016	28/01/2016	DAO THI HUYEN TRANG- 401519:NT HOC PHI KY 2	115NT01160280018		4,860,000.00	6,172,529,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHUNG THI NGUYET MSSV 403727 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01160280054		5,220,000.00	6,177,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DUONG THI THUY LINH MSSV:403553 NOP HOC PHI KY 2	120NT01160280147		4,680,000.00	6,182,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN MINH HOANG MSSV:402128 NOP TIEN HOC KY 2	120NT01160280148		4,860,000.00	6,187,289,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI BICH THAO MSSV:400657 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280150		4,860,000.00	6,192,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI HOAI MSV 403124 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM 2015-2016	121NT01160280017		4,680,000.00	6,196,829,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HUE MSSV:402371 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280151		4,860,000.00	6,201,689,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HOA QUYNH MSV 403113 NOP TIEN HOC PHI KY II NAM 2015-2016	121NT01160280018		4,680,000.00	6,206,369,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRINH HONG VAN MSSV:404005 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280152		5,220,000.00	6,211,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HUONG MSV 403116 NOP TIEN HOC KY II NAM 2015-2016	121NT01160280019		4,680,000.00	6,216,269,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NONG THI VAN HOA MSSV:401063 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280153		4,860,000.00	6,221,129,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI LINH MSSV:401842 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280154		4,860,000.00	6,225,989,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN VIET HA MSSV: 402647 LOP: 26 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2016	124NT01160280040		4,860,000.00	6,230,849,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NONG THI HANH MSSV:401073 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160280155		4,860,000.00	6,235,709,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HA THANH THANH MSSV:401065 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280156		4,860,000.00	6,240,569,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BAC CAM THI THAT LOP 4023 KHOA 40(MSV:402306) NOP HOC PHI KI 2 NAM 2015-2016	120NT01160280157		4,500,000.00	6,245,069,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRUONG THI THUY MSV:402865 LOP 28 KHOA 40 NOP HOC PHI KI 2 NAM 2015-2016	120NT01160280158		4,500,000.00	6,249,569,420.00
28/01/2016	28/01/2016	SINH VIEN : NGUYEN BICH NGOC LOP 4040 MA SO SV : 404027 NOP TIEN HOC KY II	122NT01160280014		5,220,000.00	6,254,789,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NONG TU VI MSV:402866 LOP 4028 KHOA 40 NOP HOC PHI KI 2 NAM 2015-2016	120NT01160280159		4,500,000.00	6,259,289,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THU THOAN MSSV:402856 LOP 4028 KHOA 40 NOP HOC PHI KI 2 NAM 2015-2016	120NT01160280160		4,860,000.00	6,264,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HOAI THU MSV:400174 LOP 4001 NOP HOC PHI KI 2 NAM 2015-2016	120NT01160280161		4,500,000.00	6,268,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM BA DAT MSSV:403668 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160280162		4,680,000.00	6,273,329,420.00

28/01/2016	28/01/2016	DO THANH HUONG MSSV:401901 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280163		4,860,000.00	6,278,189,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM TRA GIANG MSSV:402633 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280164		4,860,000.00	6,283,049,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN VIET HA MSSV:401561 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280165		4,860,000.00	6,287,909,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI KIM PHUONG MSSV:403623 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280166		4,680,000.00	6,292,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HA HUY QUYEN MSSV:401617 DONG HOC	120NT01160280167		4,860,000.00	6,297,449,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE MINH ANH MSSV:403713 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280168		5,220,000.00	6,302,669,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAO THI BICH PHUONG MSSV:401622 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280169		4,500,000.00	6,307,169,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI THANH MAI MSV 402061 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2 NAM 2015_2016	124NT01160280041		4,860,000.00	6,312,029,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGHIEM THI LAN HUONG MSSV:403913 NOP HOC PHI	120NT01160280170		5,220,000.00	6,317,249,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LY THI TUYET NHUNG MSSV: 401255 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160280016		4,500,000.00	6,321,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI LINH MSV 402635 NT	120NT01160280171		4,860,000.00	6,326,609,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI PHUONG LINH MSV 400227 NT	120NT01160280172		4,860,000.00	6,331,469,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAO THI THANH TAM MSV 404048 NT	120NT01160280173		5,220,000.00	6,336,689,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI THUY DUNG- MA SV: 403635- NOP TIEN HOC PHI	390NT02160280005		4,680,000.00	6,341,369,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHU THI PHUONG THUY MSV 400931 NT	120NT01160280174		4,860,000.00	6,346,229,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LANG VI TUNG SON MSV 402472 NT	120NT01160280175		4,500,000.00	6,350,729,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VO MINH THANG MSV400668 NT	120NT01160280176		4,860,000.00	6,355,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU MINH HUONG MSV 404004 NT	120NT01160280177		5,220,000.00	6,360,809,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI HIEN MSSV 400864 NT	120NT01160280178		4,500,000.00	6,365,309,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VI THI THUYET MSV 402652 NT	120NT01160280179		4,860,000.00	6,370,169,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHI QUANG KHAI MSV 403857 NT HP	120NT01160280180		5,220,000.00	6,375,389,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI THU UYEN MSV 402768 NT	120NT01160280181		5,040,000.00	6,380,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN BA NGOC MSV 400272 NT	120NT01160280182		4,860,000.00	6,385,289,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAU THI MAI MSV 401816 NT	120NT01160280183		4,860,000.00	6,390,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HO TEN SINH VIEN: TRAN THI MINH HANG, MA SINH VIEN: 401725	114NT01160280044		4,500,000.00	6,394,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LUONG THI BINH MSV 401459 NT	120NT01160280184		4,500,000.00	6,399,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN PHUONG THAO MSV 403912 NOP TIEN HOC PHI KY 2	130NT02160280006		5,220,000.00	6,404,369,420.00

28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN VAN HUNG NOP TIEN HOC PHI CHO SINH VIEN NGUYEN NGOC ANH MSV402915	370NT02160280001		15,060,000.00	6,419,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DONG MY LINH, MSSV: 400237 NT HOC PHI	340NT02160280003		4,320,000.00	6,423,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRINH THI NHU QUYNH MSV 401259 NT	120NT01160280185		4,500,000.00	6,428,249,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI HOA MSV403773 NT	120NT01160280186		5,220,000.00	6,433,469,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI YEN NGA MSSV:403764 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280187		5,220,000.00	6,438,689,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHU XUAN SON NOP TIEN HOC PHI CHO CHU SON NGUYEN,MSSV:403968	360NT02160280009		5,220,000.00	6,443,909,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THI NGUYEN MSSV: 403369 NOP HOC PHI KY II NAM 2015-2016 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160280018		4,680,000.00	6,448,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	tran thi tu msv 403771 nt	120NT01160280188		4,860,000.00	6,453,449,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN HUYEN TRANG MSSV 401733 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01160280055		4,500,000.00	6,457,949,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE VO THUY TIEN MSSV 400233 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01160280056		4,860,000.00	6,462,809,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI LAN HUONG MSSV 403909 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280057		5,220,000.00	6,468,029,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAN ANH DUNG MSSV 403101 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280058		4,680,000.00	6,472,709,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN PHUONG ANH MSSV 403731 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280059		5,220,000.00	6,477,929,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE HUYEN THAO MY MSSV 402018 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280060		4,500,000.00	6,482,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI HA MY MSSV 403738 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280061		5,220,000.00	6,487,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI LOAN MSSV 401461 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280062		4,500,000.00	6,492,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THU TRANG MSSV 401343 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160280063		3,600,000.00	6,495,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THUY TRANG MSSV 403117 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280064		4,680,000.00	6,500,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HA THI DIEM QUYNH MSSV 403118 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280065		4,680,000.00	6,505,109,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THUY DUNG MSSV:402215 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160280189		4,860,000.00	6,509,969,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAN THI HUYEN MSSV:400242 NOP TIEN HOC PHI KY 2	120NT01160280190		4,860,000.00	6,514,829,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MAI TIEN THANH -400102 TAI NH BUU DIEN LIEN VIET-CN DONG DO~NC:MAI TIEN THANH - Nguoi chuyen: MAI TIEN THANH	001CTD1160280748		4,500,000.00	6,519,329,420.00

28/01/2016	28/01/2016	DOAN THUY ANH MSSV 403833 Lá»»P 4038~NC:DOAN THUY ANH - Nguoi chuyen: DOAN THUY ANH	001CTD1160280751		5,220,000.00	6,524,549,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LUONG THI HAI NOP TIEN HOC PHI , MA SO SINH VIEN 400244~NC:LUONG THI HAI - Nguoi chuyen: LUONG THI HAI	001CTD1160280754		4,860,000.00	6,529,409,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NOP HOC PHI: DO THI THAI HA LOP 4023; MA SV 402350 - DH LUAT HA NOI~NC:LE THI THIET - Nguoi chuyen: LE THI THIET	001CTD1160280773		4,500,000.00	6,533,909,420.00
28/01/2016	28/01/2016	Ly Van Long, nop tien hoc phi ky 2 cho Ly Thi Hang ma SV 403264~NC:Ly Van Long - Nguoi chuyen: Ly Van Long	001CTD1160280781		4,680,000.00	6,538,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI THANH HUONG MSV : 042634 NOP TIEN HOC PHI~NC:BUI THI HONG - Nguoi chuyen: BUI THI HONG	001CTD1160280800		4,860,000.00	6,543,449,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI HUONG MSSV 403149 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160280066		4,680,000.00	6,548,129,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DAM THANH HUYEN MSV 400671 NTHP	120NT01160280191		4,900,000.00	6,553,029,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI HAI ANH MSV 404025 NTHP	120NT01160280192		5,220,000.00	6,558,249,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN GIA TIEN MSV 402308 NTHP	120NT01160280193		4,860,000.00	6,563,109,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VI THI HA NAM MSSV 403464 NT HOC PHI	120NT01160280194		4,680,000.00	6,567,789,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DANG NGOC ANH MSV 402468 NTHP	120NT01160280195		11,610,000.00	6,579,399,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CAO THI HONG PHUONG MSSV 403449 NT HOC PHI	120NT01160280196		4,680,000.00	6,584,079,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN DUC TRUNG MSV 400473 NTHP	120NT01160280197		4,860,000.00	6,588,939,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THUY LINH MSSV 401666 NT HOC PHI	120NT01160280198		10,750,000.00	6,599,689,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THU GIANG MSV 402738 NTHP	120NT01160280199		5,040,000.00	6,604,729,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI LINH MSSV 401652 NT HOC PHI	120NT01160280200		4,500,000.00	6,609,229,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN VO XUAN THANG MSV 400608 NTHP	120NT01160280201		4,500,000.00	6,613,729,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI HUYEN TRANG MSSV 401149 NT HOC PHI	120NT01160280202		5,040,000.00	6,618,769,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HUU VINH MSV 402445 NTHP	120NT01160280203		4,140,000.00	6,622,909,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI QUYNH MSSV 402430 NT HOC PHI KY II	120NT01160280204		4,500,000.00	6,627,409,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN NGOC LE MSV 401604 NTHP	120NT01160280205		4,860,000.00	6,632,269,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI THUY HUE MSV 403334 NTHP	120NT01160280206		4,680,000.00	6,636,949,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THU PHUONG MSSV 403367 NT HOC PHI	120NT01160280207		4,680,000.00	6,641,629,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DO THI THU HA MSV 402428 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	120NT01160280208		4,500,000.00	6,646,129,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN BICH NGOC MSV 400254 NTHP	120NT01160280209		4,860,000.00	6,650,989,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI THUONG HUYEN MSV 400250 NTHP	120NT01160280210		4,860,000.00	6,655,849,420.00

28/01/2016	28/01/2016	TRUONG THI HOA MSSV 402069 NT HOC PHI	120NT01160280211		4,500,000.00	6,660,349,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHU MANH LUAN MSV 402213 NOP HOC PHI KY II	120NT01160280212		4,860,000.00	6,665,209,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LA THI KHANH LY MSSV 402070 NT HOC PHI	120NT01160280213		4,860,000.00	6,670,069,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG PHUONG THAO MSV 401821	120NT01160280214		4,860,000.00	6,674,929,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI DAN MSSV 402040 NT HOC PHI	120NT01160280215		4,860,000.00	6,679,789,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI THI DUNG MSV 401525 NOP HOC PHI KY II	120NT01160280216		4,860,000.00	6,684,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI TU UYEN MSV 400730 NT	120NT01160280217		4,860,000.00	6,689,509,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THU QUYNH MSSV 402255 NT HOC PHI	120NT01160280218		4,860,000.00	6,694,369,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI HANG MSV 400166 NTHP	120NT01160280219		4,860,000.00	6,699,229,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HIEN LUONG MSSV 400702 NT	120NT01160280220		4,860,000.00	6,704,089,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THANH HUYEN.MSSV: 402062.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280221		4,860,000.00	6,708,949,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LAC THI MAI MSV 401166 NTHP	120NT01160280222		4,860,000.00	6,713,809,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CT HoC PHI CHO SV PHAN MINH DUC Ma So SV 403365~NC:NGUYEN THI HUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HUONG	001CTD1160280843		4,680,000.00	6,718,489,420.00
28/01/2016	28/01/2016	dang Thi Thu Hang CT. Nhan tai CN dong do~NC:dang Thi Thu Hang - Nguoi chuyen: dang Thi Thu Hang	001CTD1160280852		4,860,000.00	6,723,349,420.00
28/01/2016	28/01/2016	[110CT01160280003]DONG TIEN HOC CHO NGUYEN THI HAI YEN K40 LOP 4035 MA SO SV: 403555~NC:NGUYEN THI HONG THUY - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HONG THUY	001CTD1160280861		4,680,000.00	6,728,029,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LUC THU HONG MSSV 400746 NT HOC PHI	120NT01160280223		4,860,000.00	6,732,889,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI HIEN MSV 401162 NTHP	120NT01160280224		4,860,000.00	6,737,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI NGOC ANH MSSV 402504 NT HOC PHI	120NT01160280225		4,500,000.00	6,742,249,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN MINH PHUC MSV 401913 NTHP	120NT01160280226		4,860,000.00	6,747,109,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRUONG THI NHU QUYNH MSSV 402247 NT HOC PHI	120NT01160280227		4,860,000.00	6,751,969,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRIEU THI HUONG MSV 400857 NTHP	120NT01160280228		4,860,000.00	6,756,829,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHU LIEN THUONG MSSV 402238 NT HOC PHI	120NT01160280229		5,040,000.00	6,761,869,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THANH MAI MSSV 401728 NT HOC PHI	120NT01160280230		4,500,000.00	6,766,369,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI HUYEN TRANG MSV 401171 NTHP KY II	120NT01160280231		4,860,000.00	6,771,229,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN VY QUANG MSSV 402265 NT HOC PHI	120NT01160280232		3,060,000.00	6,774,289,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VI THI THAO LY MSV 401172 NTHP	120NT01160280233		4,860,000.00	6,779,149,420.00

28/01/2016	28/01/2016	PHAM QUOC HUY MSSV 402202 NT HOC PHI	120NT01160280234		4,860,000.00	6,784,009,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THI THUY MSV 402417 NTHP	120NT01160280235		5,040,000.00	6,789,049,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THU CHANG MSV 403502 NTHP	120NT01160280236		4,680,000.00	6,793,729,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TANG VAN HIEN MSSV 402244 NT HOC PHI	120NT01160280237		4,500,000.00	6,798,229,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI THUY QUYNH MSV 403537 NTHP	120NT01160280238		4,680,000.00	6,802,909,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN VAN THANH MSSV 401463 NT HOC PHI	120NT01160280239		4,860,000.00	6,807,769,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI HIEN MSV 402418 NTHP	120NT01160280240		5,040,000.00	6,812,809,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI ANH MSSV 401714 NT HOC PHI	120NT01160280241		4,500,000.00	6,817,309,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LUU THAO DUONG MSV 404013 NTHP	120NT01160280242		5,220,000.00	6,822,529,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRUONG MINH HUONG MSSV 403755 NT HOC PHI	120NT01160280243		5,220,000.00	6,827,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGO THU UYEN MSV 403854 NTHP	120NT01160280244		5,220,000.00	6,832,969,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRINH TO UYEN MSSV 401705 NT HOC PHI	120NT01160280245		4,500,000.00	6,837,469,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI NGUYET HA MSSV 400408 NT HOC PHI	120NT01160280246		4,860,000.00	6,842,329,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MAI HUE AN MSV 401967 NTHP	120NT01160280247		3,420,000.00	6,845,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LY THAI BAO MSV 403627 NTHP	120NT01160280248		4,680,000.00	6,850,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THI HAI VAN MSSV 402470 NOP HOC PHI	120NT01160280249		4,860,000.00	6,855,289,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THU TRANG MSSV 402257 NT HOC PHI	120NT01160280250		4,500,000.00	6,859,789,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI NHUNG MSV 400363 NTHP	120NT01160280251		5,040,000.00	6,864,829,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DINH THI CHINH MSSV 400449 NT HOC PHI	120NT01160280252		4,500,000.00	6,869,329,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THUY DUNG MSV 400349 NTHP	120NT01160280253		4,860,000.00	6,874,189,420.00
28/01/2016	28/01/2016	Y HOANG MLO MSV 400273 NTHP	120NT01160280255		4,860,000.00	6,879,049,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THU TRANG MSV 403820 NTHP	120NT01160280256		5,220,000.00	6,884,269,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DO MINH THU MSV 403838 NTHP	120NT01160280257		5,220,000.00	6,889,489,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LO THI LE MSV 401101 LOP 4011 NTHP	120CT01160280005		4,860,000.00	6,894,349,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DINH NGOC ANH MSV 401938 NTHP	120NT01160280258		4,860,000.00	6,899,209,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN KHANH LINH MSV 403853 NTHP	120NT01160280259		5,220,000.00	6,904,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THACH THAO MSV 403851 NTHP	120NT01160280260		5,220,000.00	6,909,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HA THI XUYEN. MSSV:402258 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280261		4,500,000.00	6,914,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRUONG HA NAM.MSSV: 401465.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280262		4,860,000.00	6,919,009,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI THU MSV 401664 NTHP	120NT01160280263		4,140,000.00	6,923,149,420.00

28/01/2016	28/01/2016	PHAN THI THUY TRANG.MSSV: 400553.NOP TIEN HOC PHI.HOC KY II 2015-2016 (LOP 4005)	120NT01160280264		4,500,000.00	6,927,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI LINH MSV 400663 NTHP	120NT01160280265		4,500,000.00	6,932,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI NGOC HA.MSSV: 402243.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280266		4,500,000.00	6,936,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOANG THI THUY LINH MSV 402272 NTHP	120NT01160280267		4,500,000.00	6,941,149,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI THU.MSSV: 403161.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280268		5,220,000.00	6,946,369,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LO THI QUY MSV 400463 NTHP	120NT01160280270		4,500,000.00	6,950,869,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE MAI THANH.NOP TIEN HOC PHI.MSSV:403828	120NT01160280271		5,220,000.00	6,956,089,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM NGOC HUNG MSV 402514 NTHP	120NT01160280272		4,500,000.00	6,960,589,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI HONG LINH.MSSV: 402262.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280273		4,860,000.00	6,965,449,420.00
28/01/2016	28/01/2016	BUI VAN CHUNG MSV 401212 NTHP	120NT01160280274		4,500,000.00	6,969,949,420.00
28/01/2016	28/01/2016	QUAN THI KIEU OANH.MSSV: 404034 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280275		5,220,000.00	6,975,169,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HIEP THI DOAN MSV 402263 NTHP	120NT01160280276		4,860,000.00	6,980,029,420.00
28/01/2016	28/01/2016	PHAM THI KIEU DUNG.MSSV: 402563. NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2	120NT01160280277		4,500,000.00	6,984,529,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TRAN THI HANG MSV 402557 NTHP	120NT01160280278		4,860,000.00	6,989,389,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN HONG ANH MSV 402133 NTHP	120NT01160280279		4,860,000.00	6,994,249,420.00
28/01/2016	28/01/2016	GIANG THI GIONG.MSSV: 400448.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280280		4,860,000.00	6,999,109,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN ANH VINH.MSSV: 402511. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160280281		4,860,000.00	7,003,969,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TA THI THAM MSV 400268 NTHP	120NT01160280282		5,040,000.00	7,009,009,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN ANH DUNG MSV 401467 NTHP	120NT01160280283		12,040,000.00	7,021,049,420.00
28/01/2016	28/01/2016	QUAN THI NGA MSV 403441 NTHP	120CT01160280006		4,680,000.00	7,025,729,420.00
28/01/2016	28/01/2016	MA THI TUYET NHUNG MSV 403647 NTHP	120NT01160280284		5,220,000.00	7,030,949,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI HANG MSV 401807 NTHP	120NT01160280285		5,040,000.00	7,035,989,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DO KHANH LINH MSV 401805 NTHP	120NT01160280286		4,860,000.00	7,040,849,420.00
28/01/2016	28/01/2016	LE THI THU HOAI MSV 401042 NTHP	120NT01160280287		4,000,000.00	7,044,849,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN THI THAO MSV 401072 NTHP	120NT01160280288		4,860,000.00	7,049,709,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NGUYEN NGOC ANH MSV 402315 NTHP	120CT01160280007		4,860,000.00	7,054,569,420.00
28/01/2016	28/01/2016	SUNG THI VANG MSV 400950 NTHP	120CT01160280008		4,860,000.00	7,059,429,420.00
28/01/2016	28/01/2016	--(NH BUU DIEN LIEN VIET-CN DONG DO) SV:TRIEU LINH DAN,MSSV:402248, DONG TIEN HOC PHI KY 2/2016--NC:TRIEU LINH DAN - Nguoi chuyen: TRIEU LINH DAN	500CTD1160280432		4,860,000.00	7,064,289,420.00

28/01/2016	28/01/2016	--(BUU DIEN LIEN VIET-CN DONG DO) SV:NGUYEN THI HOA, MSSV:402241 DONG TIEN HOC PHI KY 2/2016--NC:TRIEU LINH DAN - Nguoi chuyen: TRIEU LINH DAN	500CTD1160280433		4,500,000.00	7,068,789,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TUONG DUY QUYEN MSV 402936(CHUYEN TU LOP CLC VE LOP 36 TU KY II	120NT01160280289		4,320,000.00	7,073,109,420.00
28/01/2016	28/01/2016	TK mo tai CN dong do. Nop tien phi ky II~NC:Pham Thi huyen - Nguoi chuyen: Pham Thi huyen	001CTD1160280895		4,680,000.00	7,077,789,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CHUYEN TIEP LCT 8403OTT161001090 THEO THU TRA SOAT CUA KH, NHAN TAI NH TMCP BUU DIEN LIEN VIET CN DONG DO HN~NC:CHU THI OANH - Nguoi chuyen: CHU THI OANH	001CTD1160280908		4,860,000.00	7,082,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	Pham Bich Duyen NOP HOC PHI CHO HOANG BICH DIEP , MSV 401914 (CHUYEN VE CN DONG DO)~NC:Pham Bich Duyen - Nguoi chuyen: Pham Bich Duyen	001CTD1160280929		4,860,000.00	7,087,509,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 - NGUYEN THI VAN ANH , SINH NGAY 23/11/1997, MA SINH VIEN: 403055~NC:Nguyen Thi Thuy - Nguoi chuyen: Nguyá»...n Thá»« Thấ»y	001CTD1160280896		15,060,000.00	7,102,569,420.00
28/01/2016	28/01/2016	DONG HOC PHI KI II NGUYEN ANH TU MSSV 402014~NC:NGUYEN ANH TU - Nguoi chuyen: NGUYEN ANH TU	001CTD1160280961		4,500,000.00	7,107,069,420.00
28/01/2016	28/01/2016	HOC PHI KY II MSV: 403447 LOP 4034. NHAN TAI NH LIEN VIET CN DONG DO~NC:Bui Thi Ngan - Nguoi chuyen: Bui Thi Ngan	001CTD1160280968		4,680,000.00	7,111,749,420.00
28/01/2016	28/01/2016	NOP HOC PHI : PHAM MANH HUNG 404056 LOP 4040~NC:QUACH THI TRA - Nguoi chuyen: QUACH THI TRA	001CTD1160281008		5,220,000.00	7,116,969,420.00
28/01/2016	28/01/2016	VU THI HUYEN TRANG MSSV403339 NOP HP KY 2 2015.2016 CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI NHAN TAI NH BUU DIEN LIEN VIET CN DONG DO~NC:VU THI HUYEN TRANG - Nguoi chuyen: VU THI HUYEN TRANG	001CTD1160281015		4,680,000.00	7,121,649,420.00
28/01/2016	28/01/2016	CTIEP CN DONG DO - NOP HOC PHI CHO SV NGUYEN NHU THAI LINH - MSV 403753~NC:NGUYEN THI THU THUY - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THU THUY	001CTD1160281035		5,220,000.00	7,126,869,420.00
Cộng doanh số Total					2,522,600,000.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						7,126,869,420.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát

Sao kê chi tiết từ **28/01/2016** đến **28/01/2016**

From date To date

Mã khách hàng : **99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI-TGTT VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819999** Số cũ: 41201200034697040106

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **29/01/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance						1,495,646,453.00
28/01/2016	28/01/2016	34378255_CHIHO_Truong Dai hoc Luat Ha Noi _shp, ctiep cn dong do truong dai hoc luat ha noi 999998819999 ~NC:KHO BAC NHA NUOC DONG DA - Nguoi chuyen: KHO BAC NHA NUOC DONG DA	001CTD1160280307		218,270,000.00	1,713,916,453.00
Cộng doanh số Total					218,270,000.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,713,916,453.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bằng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát